



Implemented by
giz Deutsche Gesellschaft
für Internationale
Zusammenarbeit (GIZ) GmbH



Dự án “Hỗ trợ thực hiện Hiệp định Đối tác tự nguyện VPA/FLEGT tại Việt Nam”

Tóm tắt: Đánh giá cơ sở về giám sát tác động của Hiệp định VPA/FLEGT – Bài học kinh nghiệm và khuyến nghị



1. Thông tin cơ sở

Hiệp định đối tác tự nguyện về Thực thi luật lâm nghiệp, quản trị và thương mại Lâm sản (VPA/FLEGT) giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu (EU) được ký vào tháng 10/2018 và chính thức có hiệu lực vào tháng 6/2019. Hiệp định này nhằm mục đích thúc đẩy quản trị rừng, giải quyết vấn đề khai thác và buôn bán gỗ bất hợp pháp, góp phần thúc đẩy thương mại các sản phẩm gỗ có nguồn gốc từ các khu rừng được quản lý bền vững và được khai thác tuân thủ theo luật pháp của quốc gia khai thác. Việt Nam và EU cam kết giám sát và đánh giá các tác động về xã hội, kinh tế và môi trường của việc thực hiện Hiệp định.

Khung Giám sát và Đánh giá (GS&ĐG) Hiệp định VPA/FLEGT đã được xây dựng và được hai bên phê duyệt vào năm 2021. Khung GS&ĐG bao gồm một bảng Ma trận các chỉ số giám sát tác động (IMIM) được sử dụng để đánh giá các tác động tích cực và các tác động tiêu cực tiềm ẩn phát sinh từ việc thực hiện Hiệp định VPA/FLEGT. Bảng IMIM bao gồm 6 lĩnh vực tác động, gồm: (1) xã hội; (2) môi trường; (3) kinh tế (khả năng cạnh tranh xuất khẩu và thương mại); (4) kinh tế (quan hệ đối tác và đầu tư vào chuỗi cung ứng gỗ); (5) quản trị (thực thi pháp luật); và (6) quản trị (hợp tác khu vực và quốc tế).

Đánh giá cơ sở về tác động của Hiệp định VPA/FLEGT được thực hiện cho ba giai đoạn, gồm: 2010-2017 (giai đoạn đàm phán), 2017-2019 (giai đoạn ký kết và phê chuẩn), và 2020-2022 (bắt đầu thực hiện). Công việc này được bắt đầu vào tháng 10/2022 và hoàn thành vào năm 2024. Báo cáo đánh giá cơ sở về tác động của Hiệp định VPA/FLEGT đưa ra đánh giá về tác động của Hiệp định đối với sáu lĩnh vực tác động dựa trên dữ liệu thu thập được cho ba giai đoạn trên.

Sau khi hoàn thành đánh giá cơ sở, quá trình rút kinh nghiệm đã đánh giá việc vận hành quá trình đánh giá cơ sở, bao gồm tính sẵn có của dữ liệu, tính thực tiễn và khả thi của quá trình đánh giá, nhằm cung cấp thông tin cho việc thiết kế lại và đơn giản hóa quy trình giám sát tác động của Hiệp định VPA/FLEGT trong tương lai. Quá trình rút kinh nghiệm được thực hiện vào cuối năm 2024 và đầu năm 2025, gồm một khảo sát trực tuyến và một hội thảo tham vấn với sự tham dự của đại diện đến từ 20 cơ quan và tổ chức.

Công việc này được thực hiện với sự hỗ trợ của Dự án “Hỗ trợ thực hiện Hiệp định đối tác tự nguyện VPA/FLEGT tại Việt Nam”, do Bộ Hợp tác và Phát triển Kinh tế Liên bang Đức ủy nhiệm cho Tổ chức hợp tác quốc tế Đức GIZ phối hợp thực hiện với Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường Việt Nam.

Báo cáo đánh giá cơ sở và Báo cáo rút kinh nghiệm có thể được tiếp cận thông qua Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm hoặc Dự án GIZ.

2. Kết quả chính của quá trình đánh giá cơ sở về giám sát tác động của VPA/FLEGT

Cần giữ nguyên 6 lĩnh vực tác động trong Khung giám sát tác động VPA/FLEGT. Bảng Ma trận IMIM cần tập trung và được xây dựng dựa trên các nguồn dữ liệu thực tế có sẵn cũng như đảm bảo rằng các chỉ số được xây dựng theo hướng cụ thể, có thể đo lường, khả thi, có liên quan và có giới hạn thời gian (SMART).

Các đề xuất sau đây nhằm cải thiện chu kỳ giám sát tiếp theo (xem thêm Phụ lục 1):

- ✓ Các chỉ số IMIM cần được đơn giản hóa, tập trung vào các khía cạnh rõ ràng và đo lường được của từng chỉ số.
- ✓ Các khía cạnh của mỗi chỉ số nên được giảm xuống tối đa ba chỉ số phụ.
- ✓ Các chỉ số nên được kiểm tra tính phù hợp để đánh giá tính sẵn sàng cho EUDR và thể hiện rõ sự liên quan đến tính sẵn sàng cho EUDR.
- ✓ Cần xây dựng các hướng dẫn tiêu chuẩn cho việc thu thập dữ liệu, xây dựng báo cáo và khung phân tích.
- ✓ Việc giám sát tác động VPA/FLEGT nên được điều chỉnh phù hợp với các quy trình giám sát thường xuyên khác của ngành lâm nghiệp.
- ✓ Nên sử dụng các nguồn dữ liệu chính thức có thể truy cập và sẵn có từ 1) các cơ quan nhà nước, ví dụ như Thống kê, Hải quan, các cơ quan lâm nghiệp, 2) dữ liệu được thu thập để đo lường các chỉ số của Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp Bền vững 2021-2030 và 3) dữ liệu từ Báo cáo thường niên chung của Việt Nam – EU về việc thực hiện VPA/FLEGT.
- ✓ Cần đơn giản hóa cơ cấu tổ chức thực hiện Khung Giám sát và Đánh giá VPA/FLEGT.
- ✓ Cần đảm bảo nguồn tài chính cho quá trình thu thập dữ liệu.
- ✓ Một cơ quan nhà nước nên đóng vai trò đầu mối thu thập dữ liệu.
- ✓ Sự tham gia và vai trò của các chủ thể ngoài nhà nước cần được xác định rõ ràng hơn.
- ✓ Nên sử dụng các nghiên cứu điển hình và dữ liệu thực địa cần được thu thập một cách có hệ thống hơn để minh họa các tác động nằm ngoài dữ liệu thống kê cấp quốc gia.

- ✓ Cần có các nghiên cứu chuyên đề cho các chỉ số định tính không được đưa vào Bảng IMIM điều chỉnh.

Cần xem xét kỹ hơn các tác động tích cực hoặc tiêu cực tiềm ẩn trong các chu kỳ giám sát tác động tiếp theo. Hiệp định VPA/FLEGT được cho là mang lại nhiều tác động tích cực, ví dụ như tăng cường sự tham gia của các bên liên quan, ngăn chặn gỗ bất hợp pháp lưu thông trên thị trường, và tạo cơ hội cho các doanh nghiệp mở rộng thị phần. Tuy nhiên, Hiệp định VPA/FLEGT có thể gây ra những tác động tiêu cực tiềm ẩn đối với các hộ gia đình nhỏ do khả năng đáp ứng các yêu cầu nghiêm ngặt của VPA/FLEGT còn hạn chế. Các tác động đối với các hộ gia đình nhỏ cần được đánh giá kỹ lưỡng hơn trong các chu kỳ giám sát tiếp theo.

3. Đề xuất thời gian thực hiện chu kỳ giám sát tác động tiếp theo

Khung Giám sát và Đánh giá Hiệp định VPA/FLEGT ban đầu đề xuất chu kỳ giám sát là 5 năm. Dữ liệu cơ sở hiện được thu thập cho đến năm 2022, vì vậy chu kỳ giám sát tiếp theo dự kiến thực hiện vào năm 2027.

Tuy nhiên, Hiệp định VPA/FLEGT hiện chưa được thực thi hoàn chỉnh, nghĩa là giấy phép FLEGT vẫn chưa được cấp. Để đo lường tác động của Hiệp định VPA/FLEGT, chu kỳ giám sát tác động tiếp theo nên được thực hiện sau khi bắt đầu cấp phép FLEGT và sau đó thực hiện 5 năm một lần.

Năm 2030 là năm cuối cùng thực hiện Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp Bền vững giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Trong năm này, dữ liệu cho các chỉ số giám sát và đánh giá của Chiến lược sẽ được thu thập, phân tích và đánh giá theo *Quyết định số 1382/QĐ-BNN-TCLN ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành các Chỉ số Giám sát và Đánh giá Chiến lược*. Bộ chỉ số sửa đổi được xây dựng phần lớn dựa trên các chỉ số từ quá trình đánh giá ngành này.

Do đó, chu kỳ giám sát tác động của Hiệp định VPA/FLEGT tiếp theo được đề xuất thực hiện vào năm 2030.

4. Chỉ số giám sát tác động điều chỉnh cho chu kỳ giám sát tiếp theo

Dựa trên kinh nghiệm cụ thể hóa các chỉ số và dữ liệu thực tế sẵn có và dễ tiếp cận, cuối cùng 38 chỉ số SMART đã được xác định và đề xuất sử dụng cho chu kỳ giám sát tiếp theo (xem Phụ lục 2). Theo kinh nghiệm từ quá trình đánh giá cơ sở, dữ liệu cho các chỉ số này đang hiện có hoặc sẽ có sẵn.

Các nguồn dữ liệu có sẵn cho 38 chỉ số này bao gồm (i) các cơ quan nhà nước (như Thống kê, Hải quan, các cơ quan lâm nghiệp, v.v.); (ii) Báo cáo thường niên chung giữa Việt Nam và EU về thực hiện VPA/FLEGT; và (iii) Bộ chỉ số giám sát của Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp. Với những điều chỉnh nhỏ, 38 chỉ số này đã được thống nhất trong quá trình rút kinh nghiệm sau đánh giá cơ sở.

#	Lĩnh vực tác động	Số lượng chỉ số	%
1	Tác động xã hội	10	26
2	Tác động môi trường	4	11
3	Tác động kinh tế: Cạnh tranh xuất khẩu / Thương mại	10	26
4	Tác động kinh tế: Quan hệ đối tác / Đầu tư vào Chuỗi cung ứng gỗ	4	11
5	Tác động Quản trị - Thực thi pháp luật	9	24
6	Tác động Quản trị - Hợp tác khu vực và quốc tế	1	3
	Tổng	38	100

Dữ liệu cho 38 chỉ số được tổng hợp trong báo cáo đánh giá cơ sở và có thể được sử dụng làm điểm tham chiếu cho chu kỳ giám sát tiếp theo để đánh giá tác động của VPA/FLEGT như sau:

- **Tác động xã hội** tập trung vào tác động đối với người lao động trong ngành lâm nghiệp và chế biến gỗ, tác động đối với phụ nữ và người dân tộc thiểu số.
- **Tác động môi trường** được phản ánh qua các chỉ số liên quan đến quản lý rừng bền vững (tức là diện tích rừng có kế hoạch quản lý rừng bền vững, diện tích rừng

được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững) và mức độ tuân thủ các quy định về môi trường của doanh nghiệp tham gia hệ thống phân loại doanh nghiệp.

- **Tác động kinh tế (năng lực cạnh tranh xuất khẩu và thương mại)** đánh giá xu hướng về khối lượng và giá trị gỗ và sản phẩm gỗ xuất khẩu sang thị trường EU và ngoài EU, mức độ tham gia của gỗ sản xuất trong nước vào chế biến và tiêu thụ gỗ.
- **Tác động kinh tế (quan hệ đối tác và đầu tư vào chuỗi cung ứng gỗ)** được phản ánh qua mức độ tham gia vào hệ thống phân loại doanh nghiệp, số lượng doanh nghiệp Nhóm 1, mức độ huy động vốn cho ngành lâm nghiệp.
- **Tác động quản trị (thực thi pháp luật)** được phản ánh qua sự thay đổi diện tích rừng, số vụ vi phạm pháp luật lâm nghiệp bị xử phạt hành chính và hình sự, số lượng giấy phép FLEGT được cấp, diện tích rừng giao cho chủ rừng, diện tích rừng phòng hộ.
- **Tác động quản trị (hợp tác khu vực và quốc tế)** được phản ánh qua mức độ hợp tác quốc tế trong ngành lâm nghiệp (thông qua việc ký kết các hiệp định, biên bản ghi nhớ hợp tác).

Ngoài ra, để đảm bảo có được bức tranh toàn cảnh và không chỉ dựa vào số liệu thống kê của cơ quan quản lý nhà nước, các đánh giá định tính và đánh giá ở thực địa nên được thực hiện để bổ sung thông tin cho đánh giá tác động trong tương lai. Danh sách chi tiết 11 chỉ số định tính được trình bày trong Phụ lục 3

5. Cấu trúc và tổ chức thực hiện chu kỳ giám sát tác động tiếp theo

Khung Giám sát và Đánh giá Hiệp định VPA/FLEGT cần được xây dựng dựa trên một cơ chế chính thức để thu thập phản hồi từ các bên liên quan khác nhau, cũng như thiết lập một cơ chế để các bên liên quan đưa ra phản hồi về thực tiễn của quá trình giám sát. Lý tưởng nhất là một văn bản quy phạm pháp luật nêu rõ ràng vai trò của các chủ thể phi nhà nước để họ có thể đóng góp rõ ràng hơn vào chu kỳ giám sát tiếp theo.

Cần tăng cường năng lực hơn nữa để đảm bảo tính nhất quán và chất lượng của việc thu thập và phân tích dữ liệu. Điều này bao gồm các khóa đào tạo cho cán bộ chính quyền địa phương, đại diện cộng đồng và khu vực tư nhân về thu thập dữ liệu và xây dựng báo cáo.

Liên quan đến cấu trúc và tổ chức thực hiện chu kỳ giám sát tác động VPA/FLEGT tiếp theo, các nội dung sau đã được thống nhất:

- 1) Cơ quan chủ trì: Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Các nhiệm vụ chính bao gồm:
 - Xác định phạm vi công việc
 - Yêu cầu cung cấp dữ liệu
 - Hỗ trợ cung cấp dữ liệu
 - Theo dõi chu kỳ giám sát
 - Phân tích dữ liệu và xây dựng báo cáo
- 2) Cơ quan đầu mối: Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm
 - Điều phối và yêu cầu các bên liên quan cung cấp dữ liệu
- 3) Các cơ quan phối hợp: Các cơ quan nhà nước: Bộ Công Thương, Bộ Dân tộc và Tôn giáo, Bộ Nội vụ, Cục Thống kê, Cục Hải quan, Bộ Tài chính, Văn phòng cấp phép FLEGT.
 - Cung cấp dữ liệu, ý kiến và phản hồi
- 4) Các chủ thể ngoài nhà nước: Hiệp hội gỗ và lâm sản, các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức xã hội, các tổ chức quốc tế.
 - Góp ý và phản hồi của chuyên gia
 - Đóng góp thông qua các nghiên cứu điển hình và đánh giá định tính
 - Thực hiện các nghiên cứu chuyên sâu/chuyên đề.

6. Khuyến nghị từ quá trình rút kinh nghiệm sau đánh giá cơ sở trình JIC-7 xem xét và quyết định

- ✓ Chu kỳ giám sát tác động tiếp theo được thực hiện vào năm 2030.
- ✓ 38 chỉ số giám sát tác động “SMART” với dữ liệu định lượng có sẵn từ các nguồn hiện có sẽ được sử dụng cho chu kỳ giám sát tác động tiếp theo.
- ✓ 11 chỉ số định tính có thể được đưa vào các báo cáo chuyên sâu tùy thuộc vào nguồn lực sẵn có từ các bên liên quan trong nước và quốc tế.
- ✓ Cơ quan chủ trì cho chu kỳ giám sát tác động tiếp theo là cơ quan đầu mối về VPA/FLEGT theo sự phân công của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và được giao nhiệm vụ rõ ràng.
- ✓ Vai trò và sự tham gia tích cực của các chủ thể ngoài nhà nước trong chu kỳ giám sát tác động tiếp theo cần được nêu cụ thể trong quy trình làm việc và tổ chức thực hiện chu kỳ giám sát tác động tiếp theo.
- ✓ Các điểm nêu trên cần được thống nhất trong một phụ lục đơn giản điều chỉnh một số nội dung của Khung Giám sát và Đánh giá VPA/FLEGT hiện tại đã được phê duyệt tại Quyết định số 02/2021 của JIC.

7. Đề xuất các bước tiếp theo sau Phiên họp JIC-7

Tiếp nối những nội dung thảo luận và thỏa thuận tại JIC, các bước tiếp theo được đề xuất như sau:

- ✓ Bàn giao cơ sở dữ liệu và các báo cáo liên quan trong quá trình đánh giá cơ sở về giám sát tác động của VPA/FLEGT (bao gồm bảng ma trận các chỉ số, báo cáo đánh giá cơ sở, báo cáo rút kinh nghiệm, các nghiên cứu bổ sung và các báo cáo liên quan khác) cho đơn vị đầu mối theo phân công của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
- ✓ Xây dựng phụ lục điều chỉnh một số nội dung của Khung Giám sát và Đánh giá VPA/FLEGT (đã được phê duyệt tại QĐ số 02/2021 của JIC) về cách tiếp cận cho chu kỳ giám sát tác động tiếp theo, trên cơ sở JIC-7 nhất trí với các điểm phía trên.
- ✓ Đề trình phụ lục cho JIC phê duyệt bằng văn bản.
- ✓ Thực hiện các nghiên cứu chuyên đề đối với 11 chỉ số định tính trước chu kỳ giám sát tác động tiếp theo vào năm 2030.
- ✓ Xây dựng quy trình làm việc và quy trình thu thập dữ liệu cho chu kỳ giám sát tác động tiếp theo, bao gồm vai trò và trách nhiệm của các bên liên quan.

Phụ lục 1: Bài học kinh nghiệm rút ra từ quá trình đánh giá cơ sở về giám sát tác động của VPA/FLEGT

- ✓ Chu kỳ giám sát tác động tiếp theo được thực hiện vào năm 2030.
- ✓ 38 chỉ số giám sát tác động “SMART” với dữ liệu định lượng có sẵn từ các nguồn hiện có sẽ được sử dụng cho chu kỳ giám sát tác động tiếp theo.
- ✓ 11 chỉ số định tính có thể được đưa vào các báo cáo chuyên sâu tùy thuộc vào nguồn lực sẵn có từ các bên liên quan trong nước và quốc tế.
- ✓ Cơ quan chủ trì cho chu kỳ giám sát tác động tiếp theo là cơ quan đầu mối về VPA/FLEGT theo sự phân công của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và được giao nhiệm vụ rõ ràng.
- ✓ Vai trò và sự tham gia tích cực của các chủ thể ngoài nhà nước trong chu kỳ giám sát tác động tiếp theo cần được nêu cụ thể trong quy trình làm việc và tổ chức thực hiện chu kỳ giám sát tác động tiếp theo.

#	Bài học	Phản hồi từ các bên liên quan	Khuyến nghị	Đề xuất cho chu kỳ tiếp theo
1	Các chỉ số ở dạng mô tả (tức là không phải SMART) là một trở ngại lớn đối với việc thu thập dữ liệu	<ul style="list-style-type: none"> • Hầu hết những người được hỏi cho rằng tất cả sáu lĩnh vực giám sát tác động trong IMIM nên được duy trì như hiện tại, nhưng không ai cho rằng “Lĩnh vực #6 về hợp tác khu vực và quốc tế là quan trọng cần giám sát”. 	<ul style="list-style-type: none"> • Các chỉ số phải cụ thể, đảm bảo các tiêu chí SMART • Đơn giản hóa các chỉ số, tập trung vào các chỉ số rõ ràng, có thể đo lường được • Thống nhất 6 lĩnh vực tác động, nhưng không có lĩnh vực nào cho rằng lĩnh vực hợp tác quốc tế là quan trọng cần giám sát 	<ul style="list-style-type: none"> • 38 chỉ số "SMART" có dữ liệu định lượng có sẵn từ các nguồn hiện có sẽ được sử dụng trong chu kỳ giám sát tiếp theo. • 11 chỉ số định tính có thể được đưa vào các nghiên cứu chuyên đề tùy thuộc vào các nguồn lực sẵn có từ các bên liên quan trong nước và quốc tế.

			<ul style="list-style-type: none"> • Các chu kỳ giám sát và đánh giá trong tương lai cần dựa trên các chỉ số của các khảo sát cấp quốc gia khác, tức là 38 chỉ số “SMART” được xây dựng với dữ liệu sẵn có cho năm 2030: <ul style="list-style-type: none"> • 50% chỉ số từ CQNN, • 42% từ bộ chỉ số giám sát Chiến lược phát triển lâm nghiệp, • 8% từ báo cáo chung thường niên của Việt Nam - EU về thực hiện VPA/FLEGT • Sửa đổi IMIM ban hành cùng với Khung Giám sát và đánh giá (M&E) • Các chỉ số định tính đòi hỏi cách tiếp cận cụ thể để đảm bảo tính khả thi 	<ul style="list-style-type: none"> • Chu kỳ giám sát tác động tiếp theo sẽ được thực hiện vào năm 2030.
--	--	--	---	--

2	<p>Nguồn dữ liệu hiện có không đáp ứng được tất cả các chỉ số, tức là chỉ số định tính không thể được thu thập từ các nguồn dữ liệu hiện có</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Không chỉ nên sử dụng dữ liệu của cơ quan nhà nước, mà cần đa dạng hóa các nguồn dữ liệu • Cần có sự tham gia của các tổ chức xã hội trong việc thực hiện khảo sát/nghiên cứu thực địa đối với các chỉ số quan trọng chưa có cơ sở dữ liệu chính thức, đặc biệt là các chỉ số xã hội. 	<ul style="list-style-type: none"> • Cụ thể hóa việc thu thập / đánh giá dữ liệu định tính • NSA cần hỗ trợ điều phối và tham gia vào quá trình đánh giá tác động của VPA/FLEGT 	<ul style="list-style-type: none"> • Xem các khuyến nghị ở mục #1 phía trên • Vai trò và sự tham gia tích cực của các NSA trong chu kỳ giám sát tiếp theo cần được nêu rõ trong quy trình làm việc cho chu kỳ tiếp theo.
3	<p>Các nhiệm vụ giám sát tác động VPA/FLEGT của các chủ thể khác nhau trong ngành lâm nghiệp không rõ ràng và cần phải có nhiệm vụ và trách nhiệm cụ thể, bao gồm các yêu cầu cung cấp dữ liệu chưa đủ rõ ràng.</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Cần lồng ghép giám sát tác động của VPA/FLEGT trong quy trình giám sát ngành lâm nghiệp 	<ul style="list-style-type: none"> • Đơn giản hóa quy trình giám sát tác động để đảm bảo tính hiệu quả và bền vững. • Phù hợp với giám sát ngành lâm nghiệp hiện có. • Đơn giản hóa cấu trúc thể chế để thực hiện Khung M&E. • NSA cần hỗ trợ điều phối và tham gia vào quá trình đánh giá tác động của VPA/FLEGT. • Đối với đầu mối thu thập dữ liệu là cơ quan nhà nước, cần có quy định, tiêu chí cụ thể, rõ ràng 	<ul style="list-style-type: none"> • Xem khuyến nghị về vai trò của các NSA ở trên. • Cơ quan chủ trì cho chu kỳ giám sát tiếp theo là cơ quan đầu mối về VPA/FLEGT theo sự phân công của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, được giao nhiệm vụ rõ ràng.

			về lĩnh vực dữ liệu cũng như đầu mối dữ liệu cho từng bảng/biểu đồ.	
4	Quá trình sau khi thu thập dữ liệu, tức là quá trình đánh giá dữ liệu cơ sở dữ liệu, phức tạp và tốn thời gian	Sửa đổi, đơn giản hóa cơ chế thực hiện Khung M&E	<ul style="list-style-type: none"> Cần có một đầu mối có nhiệm vụ rõ ràng, đủ năng lực và nguồn lực để chủ trì quá trình giám sát tác động của VPA/FLEGT. 	Xem các khuyến nghị ở trên về cơ quan chủ trì và vai trò của các NSA.

Phụ lục 2: Đề xuất 38 chỉ số định lượng SMART cho chu kỳ giám sát tác động tiếp theo

Lĩnh vực tác động trọng tâm	Số	Đề xuất chỉ số giám sát VPA/FLEGT	Nguồn dữ liệu	Ghi chú
Tác động xã hội (Tập trung vào người dân, cộng đồng dân tộc thiểu số, giới và người lao động)	1	Tổng số lao động trong các doanh nghiệp đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh liên quan tới hoạt động lâm nghiệp phân theo: - Lâm nghiệp và hoạt động dịch vụ có liên quan; - Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế) - Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	GSO (dữ liệu cho đánh giá baseline do GSO cung cấp)	
	2	Doanh thu thuần sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh liên quan đến hoạt động lâm nghiệp, phân theo: - Lâm nghiệp và hoạt động dịch vụ có liên quan, - Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế) - Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế		
	3	Tỷ lệ tăng trưởng doanh thu thuần sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh liên quan đến hoạt động lâm nghiệp, phân theo: - Lâm nghiệp và hoạt động dịch vụ có liên quan, - Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế) - Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế		

Lĩnh vực tác động trọng tâm	Số	Đề xuất chỉ số giám sát VPA/FLEGT	Nguồn dữ liệu	Ghi chú
	4	Lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh liên quan đến hoạt động lâm nghiệp, phân theo: - Lâm nghiệp và hoạt động dịch vụ có liên quan - Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế) - Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế		
	5	Tỷ lệ tăng trưởng lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh liên quan đến hoạt động lâm nghiệp, phân theo: - Lâm nghiệp và hoạt động dịch vụ có liên quan - Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế) - Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế		
	6	Thu nhập bình quân một tháng của người lao động trong doanh nghiệp đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh, phân theo: - Lâm nghiệp và hoạt động dịch vụ có liên quan - Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế) - Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế		
	7	Tỷ lệ lao động làm việc trong lâm nghiệp được đào tạo (%)	Bộ chỉ số giám sát Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp bền vững 2021 – 2030, tầm nhìn 2050 (Quyết định 1392/QĐ-BNN-TCLN, 15/4/2022)	Chỉ số 1101, QĐ 1392
	8	Tỷ lệ tham gia của phụ nữ trong hoạt động sản xuất lâm nghiệp nhằm đảm bảo bình đẳng giới (%)	Bộ chỉ số giám sát Chiến lược Phát triển	Chỉ số 1201, QĐ 1392

Lĩnh vực tác động trọng tâm	Số	Đề xuất chỉ số giám sát VPA/FLEGT	Nguồn dữ liệu	Ghi chú
	9	Mức tăng thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số làm lâm nghiệp (lần)	Lâm nghiệp bền vững 2021 – 2030, tầm nhìn 2050 (Quyết định 1392/QĐ-BNN-TCLN, 15/4/2022)	Chỉ số 0902, QĐ 1392
	10	Tỷ lệ số hộ miền núi, người dân tộc thiểu số sống ở vùng có rừng tham gia sản xuất lâm nghiệp hàng hóa (%)		Chỉ số 1202, QĐ 1392
Tác động môi trường: Sản xuất và chế biến gỗ bền vững để xuất khẩu và tiêu dùng trong nước	11	Diện tích rừng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững (ha), phân theo tổ chức và hộ gia đình	Bộ chỉ số giám sát Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp bền vững 2021 – 2030, tầm nhìn 2050 (Quyết định 1392/QĐ-BNN-TCLN, 15/4/2022)	Chỉ số 0701, QĐ 1392
	12	Tỷ lệ diện tích rừng (%) của các chủ rừng là tổ chức có phương án quản lý bền vững		Chỉ số 0702, QĐ 1392
	13	Tỷ lệ các doanh nghiệp OCS tuân thủ các quy định về môi trường trên tổng số các doanh nghiệp tham gia OCS	Cục Kiểm lâm (dữ liệu cho đánh giá baseline do Cục Kiểm lâm cung cấp)	
	14	Tỷ lệ các doanh nghiệp OCS không tuân thủ quy định về môi trường trên tổng số các doanh nghiệp tham gia OCS		
Kinh tế: Cạnh tranh xuất khẩu / Thương mại (Liên quan đến nội dung Mục 5.11 trong Quyết định của Thủ tướng và Chương 13 của EVFTA	15	Giá trị xuất khẩu đồ gỗ và lâm sản (tỷ USD)	Bộ chỉ số giám sát Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp bền vững 2021 – 2030, tầm nhìn 2050 (Quyết định 1392/QĐ-BNN-TCLN, 15/4/2022)	Chỉ số 0201, QĐ 1392
	16	Kim ngạch nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ từ Việt Nam của các nước thành viên EU, phân theo các nước.	Báo cáo Thường niên chung 2022 Việc thực hiện Hiệp định Đối tác tự nguyện giữa Việt Nam – EU về Thực thi	
	17	Kim ngạch nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ từ Việt Nam của EU, phân theo danh mục hàng hóa quy định trong VPA/FLEGT:		

Lĩnh vực tác động trọng tâm	Số	Đề xuất chỉ số giám sát VPA/FLEGT	Nguồn dữ liệu	Ghi chú
về Thương mại và Phát triển bền vững)	18	Khối lượng nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ (tán) từ Việt Nam của EU, phân theo danh mục hàng hóa quy định trong VPA/FLEGT:	Luật Lâm nghiệp, Quản trị rừng và Thương mại lâm sản	
	19	Giá trị xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ từ Việt Nam sang các nước ngoài EU, phân theo mã hàng HS:	TCHQ (dữ liệu cho đánh giá baseline do TCHQ cung cấp)	
	20	Số lượng các doanh nghiệp xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang các nước ngoài EU		
	21	Sản lượng gỗ khai thác từ rừng trồng (*) (triệu M3)	Bộ chỉ số giám sát Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp bền vững 2021 – 2030, tầm nhìn 2050 (Quyết định 1392/QĐ-BNN-TCLN, 15/4/2022)	Chỉ số 0202, QĐ 1392
	22	Tỷ lệ sản lượng khai thác gỗ từ rừng trồng đáp ứng nguyên liệu cho sản xuất, chế biến (%)		Chỉ số 0301, QĐ 1392
	23	Tỷ lệ diện tích rừng trồng gỗ lớn so với diện tích rừng trồng sản xuất (%)		Chỉ số 0302, QĐ 1392
	24	Giá trị tiêu thụ lâm sản thị trường trong nước (tỷ USD)		Chỉ số 0404, QĐ 1392
Kinh tế: Quan hệ đối tác / Đầu tư vào Chuỗi cung ứng gỗ	25	Tỷ lệ (%) doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ tham gia vào OCS của Việt Nam	Cục Kiểm lâm (dữ liệu cho đánh giá baseline do Cục Kiểm lâm cung cấp)	
	26	Số doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ được phân loại là OCS-1		
	27	Số doanh nghiệp OCS-1 phân theo tỉnh:		
	28	Tổng số vốn huy động thực hiện Chiến lược phát triển lâm nghiệp bền vững (tỷ VND)	Bộ chỉ số giám sát Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp bền vững 2021 – 2030, tầm nhìn 2050 (Quyết định 1392/QĐ-BNN-TCLN, 15/4/2022)	Chỉ số 1701, QĐ 1392
	29	Số vụ vi phạm các quy định của pháp luật về Lâm nghiệp, phân theo các loại vi phạm (phá rừng trái phép,	Cục Kiểm lâm (dữ liệu cho đánh giá baseline	

Lĩnh vực tác động trọng tâm	Số	Đề xuất chỉ số giám sát VPA/FLEGT	Nguồn dữ liệu	Ghi chú
		khai thác rừng trái phép, vi phạm quy định về PCCCR, vi phạm quy định về sử dụng đất...)	do Cục Kiểm lâm cung cấp)	
	30	Số lượng các vụ vi phạm toàn quốc bị xử phạt, phân theo xử phạt hình sự và hành chính		
	31	Tỷ lệ diện tích rừng được giao cho chủ quản lý (%)	Bộ chỉ số giám sát Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp bền vững 2021 – 2030, tầm nhìn 2050 (Quyết định 1392/QĐ-BNN-TCLN, 15/4/2022)	Chỉ số 1501, QĐ 1392
	32	Diện tích rừng được bảo vệ ^(*) (ha)		Chỉ số 1502, QĐ 1392 Chỉ số liên quan đến EUDR
	33	Diện tích rừng được giao cho hộ gia đình và cộng đồng (ha)		Chỉ số 1503, QĐ 1392
	34	Tỷ lệ giảm các vụ vi phạm pháp luật về lâm nghiệp ^(*) (%)		Chỉ số 1504, QĐ 1392
	35	Số lượng giấy phép FLEGT được cấp, phân theo doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp lớn của Việt Nam, doanh nghiệp FDI	Cơ quan cấp phép FLEGT	
	36	Giá trị nhập khẩu gỗ và các sản phẩm gỗ vào Việt Nam, trong đó phân theo các vùng địa lý tích cực (theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền	Tổng cục Hải quan; https://www.customs.gov.vn/	
37	Diện tích đất có rừng suy giảm, phân theo các nguyên nhân khai thác, cháy rừng, sâu bệnh, phá rừng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất	Cục Kiểm lâm (dữ liệu cho đánh giá baseline do Cục Kiểm lâm cung cấp)	Chỉ số liên quan đến EUDR	
Hợp tác Khu vực và Quốc tế / Quản trị	38	Các Biên bản ghi nhớ/thỏa thuận được ký giữa Việt Nam và các nước ngoài EU về lâm nghiệp và thương mại gỗ	Cục Lâm nghiệp (dữ liệu cho đánh giá baseline do Cục Lâm nghiệp cung cấp)	

Phụ lục 3: 11 chỉ số định tính đưa vào các nghiên cứu chuyên đề/chuyên sâu

#	Chỉ số	Mô tả nội dung	Lý do
1	2A2	Chính sách Lâm nghiệp Quốc gia (bao gồm Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp Quốc gia) phù hợp và được thực hiện để hỗ trợ các mục tiêu của VPA	Chỉ số định tính, chủ yếu là mô tả. Nên đưa sang đánh giá chuyên đề.
2	3B2	Nghiên cứu về thương mại gỗ trong nước	Chỉ số chưa được xác định
3	4A2	Các doanh nghiệp Việt Nam được coi là đối tác / nhà quản lý chuỗi cung ứng quan trọng trong thương mại gỗ	Chỉ số định tính, chủ yếu là mô tả. Nên đưa sang đánh giá chuyên đề
4	4B2	Các mô hình Chuỗi cung ứng hoạt động theo hình thức quan hệ đối tác	
5	5A1	Tư liệu hóa những thay đổi về pháp luật chuyên ngành khi có tác động của quá trình VPA	
6	5A2	Những thay đổi trong nhận thức của các bên liên quan	
7	5C1	Nghiên cứu về mức độ Nhận thức, Hiểu biết, Thái độ & Kiến thức của hộ gia đình, cộng đồng và các doanh nghiệp vừa và nhỏ về VPA	
8	5C2	Bằng chứng về cách tiếp cận đa bên của VPA	
9	5C3	Những thí điểm nào đang được tiến hành để cho phép thiết kế hệ thống giám sát địa phương	
10	6B1	Việt Nam tích cực tham gia vào các quá trình khu vực và quốc tế	
11	6B2	Dữ liệu ngành lâm nghiệp được cung cấp cho Đánh giá tài nguyên rừng (FRA), Công ước về đa dạng sinh học (CBD), Mục tiêu PTBV15 (SDG15), Đóng góp do quốc gia xác định Công ước khung về biến đổi khí hậu (UNFCCC NDC), CITES, các cơ quan ASEAN và APEC	

Dự án “Hỗ trợ thực hiện Hiệp định đối tác tự nguyện VPA/FLEGT tại Việt Nam”

Phòng 032, tầng 3, tòa nhà Coco,

Số 14 Thụy Khuê, Hà Nội

<https://snrd-asia.org/vpa-flegt/>

